

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 02 - 01 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Ông Bùi Thanh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn D, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019; bản tự khai ngày 28/8/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/11/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà T) trình bày:

Bà T và ông D có mối quan hệ quen biết, do ông D cần tiền để làm ăn nên bà T có cho ông D mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 03/7/2017, ông D mượn số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 31/8/2017, ông D mượn 10.000.000 đồng.
- Ngày 07/9/2017, ông D mượn 5.000.000 đồng.
- Ngày 20/9/2017, ông D mượn 5.000.000 đồng.
- Ngày 15/02/2018, ông D mượn 125.000.000 đồng.
- Ngày 09/9/2018, ông D mượn 37.000.000 đồng.

Các lần mượn tiền trên hai bên có lập giấy tay, ông D ký, ghi rõ họ tên xác nhận nợ, không thỏa thuận tiền lãi, không thỏa thuận phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán. Các lần mượn tiền ngày 3/7/2017, ngày 31/8/2017, ngày 7/9/2017, ngày 20/9/2017, ngày 9/9/2018 thì nội dung giấy nợ là do ông D tự viết, tự ký và viết rõ họ tên xác nhận nợ, các lần mượn tiền này không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Lần mượn tiền ngày 15/02/2018, nội dung giấy nợ là do bà T ghi, ông D ký và viết rõ họ tên xác nhận nợ, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 05 tháng sau, tức ngày 15/7/2017 phải hoàn trả đủ số tiền 125.000.000 đồng. Tổng số tiền ông D còn nợ bà T là 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng).

Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông D thanh toán nợ nhưng ông D cố tình trốn tránh cho đến nay không thanh toán. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán số tiền 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng), không yêu cầu ông D trả tiền lãi, yêu cầu trả hết một lần.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Về phía bị đơn (ông D):* Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để thông báo cho ông D biết thời gian lên Tòa án làm việc để giải quyết vụ án nhưng phía ông D vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy

định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ, tài liệu được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

- Giấy mượn tiền (bản photo có đối chiếu bản chính);
- 01 Bản tự khai ngày 28/8/2019 của nguyên đơn (bản chính);
- 01 Kết luận giám định số 429/GĐ-PC09 ngày 29/10/2019 của Công an tỉnh Bình Dương (bản chính);
- 01 biên bản xác minh ngày 13/9/2019 (bản chính);
- Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/11/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự (vay tài sản) đây là tranh chấp dân sự nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 13/9/2019, Công an xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương xác nhận bị đơn ông Hồ Văn D, sinh năm 1971 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, do chính ông D làm chủ hộ. Hiện nay ông D và gia đình vẫn còn ở địa phương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu nên theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn là đúng với quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng

xét xử tiền hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét giấy mượn tiền các ngày 03/7/2017, ngày 31/8/2017, ngày 7/9/2017, ngày 20/9/2017, ngày 9/9/2018 có nội dung thể hiện ông D mượn bà T tổng số tiền là 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng), nội dung giấy nợ do ông D tự viết, rồi ký và viết rõ họ tên xác nhận nợ, các lần mượn tiền này không thỏa thuận tiền lãi, thời hạn thanh toán. Lần mượn tiền ngày 15/02/2018 thể hiện ông D mượn của bà T số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), nội dung giấy nợ là do bà T ghi, ông D ký và viết rõ họ tên xác nhận nợ, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 05 tháng sau (tức ngày 15/7/2017), không thỏa thuận tiền lãi. Tổng số tiền ông D còn nợ bà T là 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng). Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463, 469, 470 Bộ luật Dân sự 2015. Giao dịch dân sự này của các đương sự đúng với quy định tại Điều 117, 122 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn thông qua vợ của bị đơn là bà P, sinh năm 1972, bà P đồng ý nhận thay nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản tổng đạt, vì vậy Tòa án đồng thời niêm yết đúng quy định để thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến. Do quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn Hồ Văn D trên giấy mượn tiền các ngày 03/7/2017, ngày 31/8/2017, ngày 7/9/2017, ngày 20/9/2017, ngày 15/02/2018, ngày 9/9/2018. Tại Kết luận giám định số 429/GĐ-PC09 ngày 29/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận chữ ký “D” và chữ viết “Hồ Văn D” trên giấy mượn tiền các ngày 03/7/2017, ngày 31/8/2017, ngày 7/9/2017, ngày 20/9/2017, ngày 15/02/2018, ngày 9/9/2018 với chữ ký “D” và chữ viết “Hồ Văn D” trên các mẫu giám định là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bị đơn đã vay của nguyên đơn tổng số tiền 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng) là có thật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117, 122, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của bà Phạm Ngọc T.

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc ông Hồ Văn D có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Ngọc T số tiền 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Phạm Ngọc T 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031929 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

- Ông Hồ Văn D phải nộp 10.600.000 đồng (mười triệu sáu trăm ngàn đồng).

3. Về chi phí giám định: Ông Hồ Văn D phải chịu 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí giám định theo phiếu thu số 70 ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương. Bà Phạm Ngọc T đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông Hồ Văn D phải nộp lại để hoàn trả cho bà Phạm Ngọc T.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/01/2020).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng